

Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

NGÔ AN HẠ*

Tóm tắt

Bài viết phân tích thực trạng phát triển kinh tế biển của Việt Nam qua các tiêu chí, như: Hệ thống cảng biển; Năng lực vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; Giá trị khai thác thủy hải sản và Phát triển du lịch biển của các địa phương. Qua đó, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp để phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, như: Tăng cường nhận thức của cộng đồng về phát triển bền vững kinh tế biển; Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Có cơ chế chính sách thu hút cộng đồng tham gia phát triển du lịch biển xanh và Hoàn thiện thể chế để phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Từ khóa: kinh tế biển, phát triển bền vững

Summary

The article analyzes the current state of Vietnam's marine economic development through criteria such as the seaport system; the Capacity to transport goods by sea; the Value of seafood exploitation; and Marine tourism in localities development. Thereby, the author proposes several groups of solutions for Vietnam's marine economic sustainable development, such as Raising public awareness of the sustainable development of the marine economy; Completing the system of legal documents; Having policies and mechanisms to attract the community to participate in developing blue sea tourism and Completing institutions to develop marine economy associated with protecting the ecological environment.

Keywords: marine economy, sustainable development

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ và phạm vi hoạt động của con người ngày càng mở rộng, tầm quan trọng của tài nguyên biển, môi trường biển, không gian biển và các chiến lược quản lý biển đã dần được các quốc gia trên thế giới nhận ra. Do giá trị sinh thái cũng như kinh tế của chúng, nên tài nguyên biển luôn là và vẫn là động lực cho sự tồn tại và phát triển của con người.

Việt Nam là một quốc gia ven biển, với đường bờ biển dài hơn 3.260 km, có chỉ số biển cao gấp 6 lần chỉ số biển trung bình toàn cầu, thuận lợi cho việc phát triển và khai thác các tiềm năng kinh tế biển. Hiện Việt Nam có 28/63 tỉnh, thành phố ven biển; dân số chiếm hơn 50% dân số cả nước, phần lớn lao động làm việc trong các ngành nghề liên quan đến biển. Giai đoạn 2011-2022, các ngành kinh tế biển đã đóng góp lớn trong phát triển kinh tế cả nước. GDP trung bình của 28 tỉnh, thành phố ven biển chiếm khoảng 50% GDP của cả nước (Nguyễn Hồng Điệp, 2024). Vì vậy, phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường là vấn đề cấp bách được đặt ra hiện nay tại Việt Nam.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TẠI VIỆT NAM

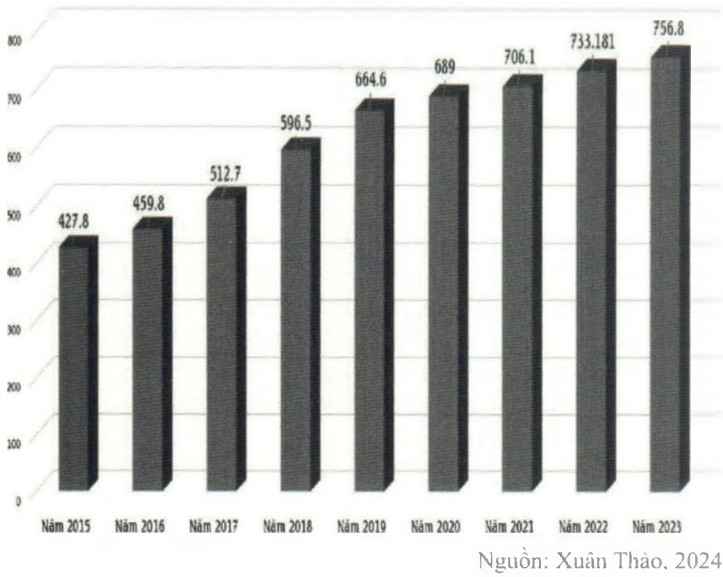
Hệ thống cảng biển tại Việt Nam

Việt Nam hiện có 3 cảng (TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Cái Mép - Thị Vải) nằm trong danh sách 50 cảng container có sản lượng thông qua lớn nhất thế giới. Đặc biệt, các cảng biển lớn với vai trò là đầu mối phục vụ xuất - nhập khẩu hàng hóa và tạo động lực phát triển toàn vùng đã hình thành rõ nét và đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, như: cảng biển Quảng Ninh, Hải Phòng gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; cảng biển Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn gắn với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; cảng biển TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai gắn với vùng Kinh tế trọng điểm khu vực phía Nam; cảng biển Cần Thơ, An Giang gắn với vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Theo Bộ Giao thông vận tải, tính đến hết năm 2023, cả nước có 298 bến cảng/chiều dài khoảng 107 km cầu cảng (gấp 5 lần năm 2000). Trên cả nước đã hình thành các cảng cửa ngõ quốc tế tại khu vực phía Bắc và phía Nam, tiếp nhận thành công tàu container đến

* ThS., Học viện Khoa học xã hội | Email: hana.hoctap@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/9/2024; Ngày phản biện: 27/9/2024; Ngày duyệt đăng: 08/10/2024

HÌNH 1: HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2015-2023



145.000 tấn tại khu bến Lạch Huyện (Hải Phòng), đến 232.000 tấn tại khu bến Cái Mép (Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngoài ra, các bến chuyên dùng quy mô lớn gắn với các khu công nghiệp, liên hợp luyện kim, lọc hóa dầu, trung tâm nhiệt điện than tiếp nhận tàu đến 200.000 tấn, hàng lỏng đến 150.000 tấn (tàu xuất sản phẩm), dầu thô đến 320.000 tấn, cơ bản đã đạt được các mục tiêu quy hoạch đến năm 2020 (Minh Thành, 2024).

Hiện nay, hệ thống cảng biển Việt Nam không ngừng được nâng cao về năng lực và chất lượng dịch vụ, do đó sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển ngày một lớn. Năm 2015, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt 427,8 triệu tấn, chiếm 81,8% khối lượng hàng hóa thông qua các cảng (gồm cảng biển, cảng thủy nội địa và cảng hàng không). Trong giai đoạn 2016-2020, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tăng 61,8%, bình quân mỗi năm tăng khoảng 10%. Đến năm 2023, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đã đạt 756,8 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, hàng container ước đạt 24,7 triệu TEUs. Lướt phương tiện thủy thông qua nội địa đạt 351,8 nghìn lượt, tăng 2%. Hành khách qua cảng biển đạt 7,04 triệu hành khách, tăng 17% so với năm 2022 (Hình 1).

Vận chuyển hàng hóa bằng tàu biển

Theo Cục Hàng hải Việt Nam, tính đến tháng 12/2022, đội tàu biển Việt Nam có 1.477 tàu với tổng trọng tải khoảng 11,6 triệu DWT, tổng dung tích khoảng 7 triệu GT. Trong đó, đội tàu vận tải là 1.009 tàu với tổng trọng tải khoảng 10,7 triệu DWT, tổng dung tích khoảng 6,4 triệu GT. Số lượng tàu hàng rời, tổng hợp có 709 tàu, chiếm tỷ trọng 70,3%. Tàu chở dầu, hóa chất có 178 tàu chiếm 17,6%; tàu chuyên dụng khí hóa lỏng có 21 tàu chiếm 2,1%. Đội tàu container có 43 tàu chiếm 4,3%; tàu chở khách có 58 tàu chiếm 5,7% đội tàu vận tải (Phan Trang, 2022).

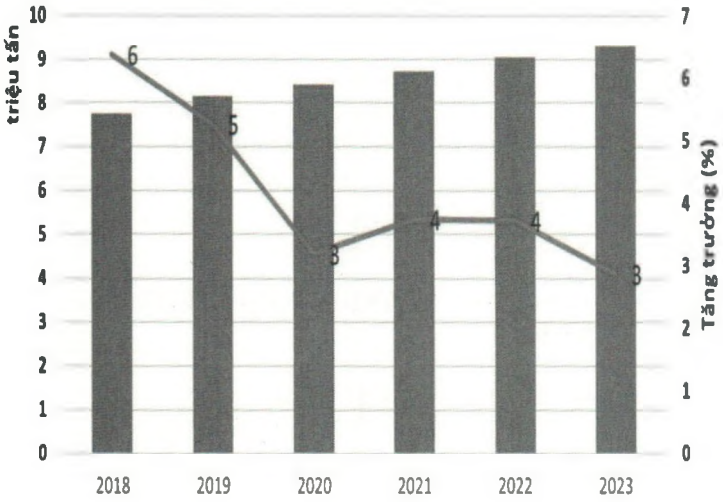
Sản lượng hàng hóa container xuất - nhập khẩu thông qua cảng biển Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2024 đạt 7,56 triệu TEU, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây (cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng trung bình trong 5 năm là 5,5%). Giá cước vận tải biển tăng từ đầu năm 2024 đến nay chưa có dấu hiệu giảm do cuộc khủng hoảng Biển Đỏ kéo dài, sự cản trở xuất khẩu của Trung Quốc trước thuế quan của Mỹ đã giá thúc đẩy vận tải đường biển toàn cầu tăng vọt mỗi ngày (Thế Anh, 2024).

Giá trị khai thác thủy sản Việt Nam

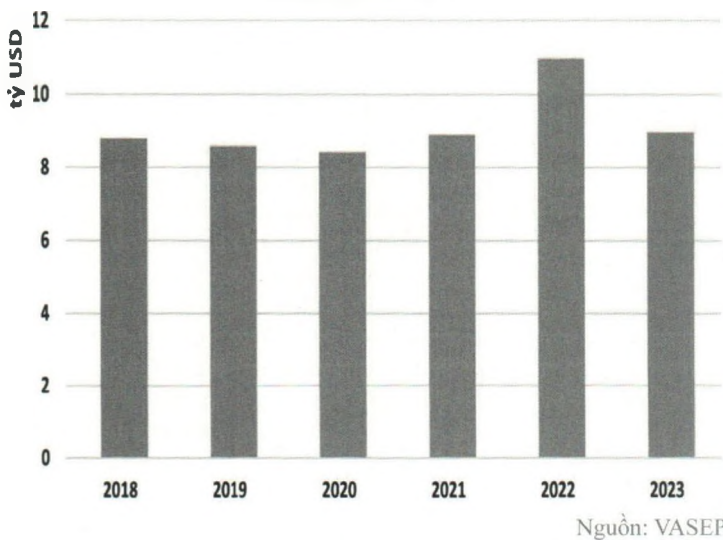
Năm 2018, sản lượng thủy sản Việt Nam tăng từ 7,7 triệu tấn lên 9,3 triệu tấn năm 2023, tăng 20%. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 58%, khai thác chiếm 42% (Hình 2).

Ngành thủy sản giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quy mô ngày càng mở rộng, tốc độ tăng trưởng cao, giá trị sản xuất lớn. Sản lượng

HÌNH 2: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018-2023



HÌNH 3: GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2018-2023





Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia mạnh về biển, có sự phát triển bền vững, thịnh vượng, bảo đảm an ninh, an toàn nền kinh tế biển.

Nguồn: www.thiennhien.net

nuôi trồng thủy sản năm 2022 đạt 5,14 triệu tấn, khai thác 3,85 triệu tấn. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 8,8 tỷ USD lên 8,96 tỷ USD năm 2023. Đáng chú ý, năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản đạt gần 11 tỷ USD (Hình 3).

Du lịch biển

Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3.260 km, với hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ, khoảng 125 bãi biển, nhiều bờ cát trắng và vịnh biển hoang sơ. Các điểm đến biển đảo hấp dẫn của Việt Nam trải dài từ Bắc đến Nam, nhiều bãi tắm, vịnh, đảo được các tạp chí, nền tảng du lịch hàng đầu thế giới vinh danh. Có thể kể đến như Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng), bãi biển An Bàng (Quảng Nam); biển Nha Trang (Khánh Hòa), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Đảo Phú Quốc (Kiên Giang), Cát Bà, Vịnh Lan Hạ (Hải Phòng)... Bên cạnh đó, lãnh thổ vùng đất ven biển, vùng biển và hệ thống các đảo, nơi diễn ra du lịch biển đảo và vùng ven biển tập trung tới 7/13 di sản thế giới ở Việt Nam; 6/8 các khu dự trữ sinh quyển; nhiều vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.

Du lịch biển là ngành quan trọng trong tổng thể nền kinh tế biển của Việt Nam, không chỉ đóng góp lớn vào GDP quốc gia, còn tạo việc làm cho một lượng lớn lao động, bao gồm cả lao động chuyên nghiệp trong ngành du lịch và lao động xã hội gián tiếp. Thu nhập từ hoạt động du lịch biển, đảo chiếm tỷ trọng cao, khoảng 70% tổng thu nhập du lịch Việt Nam. Doanh thu du lịch lữ hành của 28 tỉnh, thành phố ven biển của Việt Nam tăng từ 21,9 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 32,9 nghìn tỷ đồng năm 2019, lần lượt chiếm 71,8% và 74,4% tổng doanh thu du lịch của cả nước. Trong đó, các địa phương có doanh thu du lịch lữ hành cao nhất là TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa và Quảng Nam (Phạm Thị Trâm - Lê Hồng Ngọc, 2023).

Hạn chế trong phát triển kinh tế biển tại Việt Nam

Thứ nhất, việc khai thác và sử dụng tài nguyên biển, ven biển còn lãng phí, kém hiệu quả đặc biệt khai thác tiềm năng nguồn lợi thủy sản chưa hiệu quả cao, thiếu bền vững, chưa kiểm soát được hạn mức cấp phép khai thác hải sản cho từng vùng biển dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt dần hải sản ở vùng ven bờ. Các hệ sinh thái ven bờ biển (rừng ngập mặn, vùng triều, rạn san hô...) có xu hướng suy giảm nghiêm trọng do tác động của hoạt động kinh tế, xây dựng.

Thứ hai, các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước còn chồng chéo giữa các bộ, ngành và địa phương. Do đó, cần phải có sự phối kết hợp giữa địa phương với các bộ, ngành khi xây dựng các quy định về phát triển kinh tế biển.

Thứ ba, việc phát triển du lịch tại các địa phương chưa chú trọng đến quảng bá và phát triển các đặc sản vùng miền đặc thù, các địa phương chưa chú trọng bảo vệ môi trường biển tại các khu du lịch.

Thứ tư, chưa có các giải pháp, các chính sách để thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch của địa phương, đội ngũ chưa am hiểu về văn hóa du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, có sự phát triển bền vững, thịnh vượng, bảo đảm an ninh, an toàn nền kinh tế biển. Vì vậy, để hoàn thành các mục tiêu này, theo nhóm tác giả, thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong toàn xã hội về phát triển kinh tế biển bền vững; đồng thời, nhanh chóng triển khai Quyết định số 729/QĐ-TTg, ngày 16/6/2022 về việc phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030, nhằm đổi mới tư duy về tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW đối với phát triển kinh tế biển xanh.

Hai là, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; các bộ, ngành có liên quan chủ trì, phối hợp với địa phương thực hiện kiểm tra, đánh giá tổng thể và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về xây dựng kinh tế biển, đảo, góp phần thực hiện đầy đủ và toàn diện các nội dung được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật, bảo đảm tạo hành lang pháp lý về đổi mới, phát triển mô hình kinh tế biển xanh, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức; đẩy nhanh việc xác lập và trình duyệt các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành và địa phương có biển. Đồng thời, rà soát, sửa đổi và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng và ban hành cơ chế khuyến khích đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển, khai thác cảng theo mô hình cảng xanh, cảng thông minh, sử dụng nhiên liệu sạch, xanh, ít phát thải hoặc không phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển...

Ba là, tăng cường phối hợp, liên kết trong quản lý và phát triển du lịch, nhất là phát triển sản phẩm du lịch, tạo thành chuỗi sản phẩm, tuyến du lịch đặc sắc theo từng khu vực, tránh sự trùng lặp và đơn điệu trong phát triển du lịch ven biển của các tỉnh,

thành phố. Mỗi vùng, khu vực, địa phương cần có các sản phẩm du lịch đặc thù, mang đậm sắc thái văn hóa, điều kiện tự nhiên của địa phương và có chất lượng cao.

Bốn là, có cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch, tạo điều kiện để người dân địa phương trực tiếp tham gia các hoạt động phát triển du lịch nhằm tạo việc làm, ổn định đời sống của người dân. Chú trọng phát triển mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nông nghiệp công nghệ cao, du lịch homestay... để không chỉ góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch ven biển, giúp người dân địa phương có thêm thu nhập, mà còn góp phần bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch, bảo tồn và phát triển các làng chài, làng nghề, bảo đảm an ninh ở vùng ven biển.

Năm là, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển. Cụ thể, Chi thị số 31/CT-TTg, ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương có biển cần nỗ lực cao, đổi mới sáng tạo, quyết tâm lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; xử lý dứt điểm, không để kéo dài các nhiệm vụ được giao nhằm tạo động lực cho phát triển bền vững kinh tế biển; triển khai đồng bộ các giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển; phối hợp với Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (WWF) triển khai các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa đại dương tại 10 tỉnh, thành phố; các bộ, ngành và địa phương chủ động tổ chức Tuần lễ Biển và Hải đảo, Ngày Đại dương thế giới...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) (2024), *Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam*, truy cập từ <https://vasep.com.vn/gioi-thieu/tong-quan-nganh>.
3. Minh Thành (2024), *Đột phá mới ngành GTVT: Cảng biển “lót ổ” đón đại bàng*, truy cập từ <https://tapchigiaothong.vn/dot-pha-moi-nganh-gtvt-ky-3-cang-bien-lot-o-don-dai-bang-183240816093236209.htm>.
4. Nguyễn Hồng Điệp (2024), *28 tỉnh, thành phố ven biển đóng góp 50% GDP cả nước*, truy cập từ <https://www.vietnamplus.vn/28-tinh-thanh-pho-ven-bien-dong-gop-50-gdp-ca-nuoc-post962845.vnp>.
5. Phan Trang (2022), *Đội tàu biển Việt Nam thăng hạng*, truy cập từ <https://baochinhphu.vn/doi-tau-bien-viet-nam-thang-hang-102221229214859864.htm>.
6. Phạm Thị Trâm, Lê Hồng Ngọc (2023), *Phát triển du lịch biển tại vùng ven biển ở Việt Nam hiện nay*, truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn/phat-trien-du-lich-bien-tai-vung-ven-bien-o-viet-nam-hien-nay.html>.
7. Thế Anh (2024), *Hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam tăng mạnh trong 5 tháng đầu năm*, truy cập từ <https://www.congluan.vn/hang-hoa-thong-qua-cang-bien-viet-nam-tang-manh-trong-5-thang-dau-nam-post299693.html>.
8. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Chi thị số 31/CT-TTg, ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*.
9. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 729/QĐ-TTg, ngày 16/6/2022 việc phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030*.
10. Xuân Thảo (2024), *Phát triển hệ thống cảng biển đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế*, truy cập từ <https://vimc.co/phat-trien-he-thong-cang-bien-dap-ung-xu-the-hoi-nhap-quoc-te/>.